**ĐẠI HỌC QUỐC GIA**

**ĐẠI HỌC BÁCH KHOA TP HỒ CHÍ MINH**

🙞∙∙∙☼∙∙∙🙜



**BÀI TẬP LỚN MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

ĐỀ TÀI:

**DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG**

**THIẾT YẾU PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO KHƠ-ME Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**LỚP L21 --- NHÓM 13 --- HK211**

**NGÀY NỘP 17 – 10 – 2021**

**Giảng viên hướng dẫn: THS. ĐOÀN VĂN RE**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sinh viên thực hiện** | **Mã số sinh viên** | **Điểm số** |
| Lê Thanh Sơn | 1911977 |  |
| Đặng Phước Kim Sơn | 1914944 |  |
| Đoàn Hoàng Sơn | 1914946 |  |
| Nguyễn Viết Tài | 1915012 |  |
| Đinh Như Tân | 1915040 |  |

**Thành phố Hồ Chí Minh – 2021**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

KHOA KHOA HỌC ỨNG DỤNG

**BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC NHÓM VÀ BẢNG ĐIỂM BTL**

*Môn:* **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC** *(MSMH: SP1035)*

*Nhóm/Lớp*: ...*L21*... *Tên nhóm: ......13.......HK .....211.......Năm học ........2020-2021..........*

*Đề tài*: **DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO KHƠ-ME Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã số SV** | **Họ** | **Tên** | **Nhiệm vụ được phân công** | **% Điểm**  **BTL** | **Điểm**  **BTL** | **Ký tên** |
| 1 | 1911977 | Lê Thanh | Sơn | Phần 2.1 | 20% |  |  |
| 2 | 1914944 | Đặng Phước Kim | Sơn | Phần 2.4 | 20% |  |  |
| 3 | 1914946 | Đoàn Hoàng | Sơn | Phần 2.2 và 2.3 | 20% |  |  |
| 4 | 1915012 | Nguyễn Viết | Tài | Thực hiện phần 2.5, tóm tắt chương 2 | 20% |  |  |
| 5 | 1915040 | Đinh Như | Tân | Phần mở đầu, chương 1, kết luận | 20% |  |  |

*Họ và tên nhóm trưởng:..........Đinh Như Tân............., Số ĐT: .......0362751710............ Email*: *...tan.dinh1710@hcmut.edu.vn...*

**Nhận xét của GV:** .......................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| GIẢNG VIÊN  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* | **NHÓM TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |
|  | **Đinh Như Tân** |

**MỤC LỤC**

[I. PHẦN MỞ ĐẦU 6](#_Toc85188587)

[**1. Tính cấp thiết của đề tài** 6](#_Toc85188588)

[**2. Đối tượng nghiên cứu** 8](#_Toc85188589)

[**3. Phạm vi nghiên cứu** 8](#_Toc85188590)

[**4. Mục tiêu nghiên cứu** 8](#_Toc85188591)

[**5. Phương pháp nghiên cứu** 8](#_Toc85188592)

[**6. Kết cấu của đề tài** 8](#_Toc85188593)

[II. PHẦN NỘI DUNG 9](#_Toc85188594)

[**Chương 1. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI** 9](#_Toc85188595)

[**1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc.** 9](#_Toc85188596)

[**1.1.1. Khái niệm dân tộc.** 9](#_Toc85188597)

[**1.1.2. Đặc trưng cơ bản của dân tộc.** 10](#_Toc85188598)

[1.1.2.1. Dân tộc trong nghĩa rộng. 10](#_Toc85188599)

[1.1.2.2. Dân tộc trong nghĩa hẹp. 11](#_Toc85188600)

[**1.2. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc.** 12](#_Toc85188601)

[**1.2.1. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc.** 12](#_Toc85188602)

[**1.2.2. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin.** 12](#_Toc85188603)

[**Tóm tắt chương 1** 13](#_Toc85188604)

[**Chương 2. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO KHƠ-ME Ở VIỆT NAM HIỆN NAY** 14](#_Toc85188605)

[**2.1. Đặc điểm dân tộc Việt Nam.** 14](#_Toc85188606)

[**2.1.1. Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người.** 14](#_Toc85188607)

[**2.1.2. Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau.** 15](#_Toc85188608)

[**2.1.3. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng.** 16](#_Toc85188609)

[**2.1.4. Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều.** 17](#_Toc85188610)

[**2.1.5. Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất.** 18](#_Toc85188611)

[**2.1.6. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hoá Việt Nam thống nhất.** 18](#_Toc85188612)

[**2.2. Khái quát về đồng bào Khmer.** 21](#_Toc85188613)

[**2.2.1. Các đặc điểm chung.** 21](#_Toc85188614)

[**2.2.2. Đặc điểm về kinh tế.** 21](#_Toc85188615)

[2.2.2.1. Về nông nghiệp. 21](#_Toc85188616)

[2.2.2.2. Về thủ công nghiệp*.* 22](#_Toc85188617)

[2.2.2.3. Về chăn nuôi, đánh cá. 22](#_Toc85188618)

[2.2.2.4. Về thương nghiệp. 22](#_Toc85188619)

[**2.2.3. Đặc điểm về văn hoá, xã hội.** 23](#_Toc85188620)

[**2.3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở hạ tầng thiết yếu.** 25](#_Toc85188621)

[**2.3.1. Cơ sở hạ tầng.** 25](#_Toc85188622)

[**2.3.2. Cơ sở hạ tầng thiết yếu.** 25](#_Toc85188623)

[2.3.2.1. Cơ sở hạ tầng về kinh tế. 26](#_Toc85188624)

[2.3.2.2. Cơ sở hạ tầng về xã hội. 27](#_Toc85188625)

[2.3.2.3. Cơ sở hạ tầng về môi trường. 28](#_Toc85188626)

[**2.3.3. Vai trò của cơ sở thiết yếu đối với người dân Khmer.** 29](#_Toc85188627)

[**2.4. Thực trạng xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào Tày ở nước ta thời gian qua** 29](#_Toc85188628)

[**2.4.1. Những mặt đạt được** 29](#_Toc85188629)

[2.4.1.1. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế. 29](#_Toc85188630)

[2.4.1.2. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển giáo dục. 30](#_Toc85188631)

[2.4.1.3. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển xã hội. 31](#_Toc85188632)

[2.4.1.4. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển môi trường. 31](#_Toc85188633)

[2.4.1.5 Nguyên nhân những mặt đạt được. 32](#_Toc85188634)

[**2.4.2. Những mặt hạn chế.** 33](#_Toc85188635)

[2.4.2.1. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế. 33](#_Toc85188636)

[2.4.2.2. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển giáo dục. 34](#_Toc85188637)

[2.4.2.3. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển xã hội. 34](#_Toc85188638)

[2.4.2.4. Cơ sở hạ tầng môi trường 35](#_Toc85188639)

[2.4.2.5. Nguyên nhân những mặt hạn chế 36](#_Toc85188640)

[**2.5. Giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào KHƠ ME ở nước ta thời gian tới.** 37](#_Toc85188641)

[**2.5.1. Giải pháp tiếp tục phát huy những mặt đạt được:** 37](#_Toc85188642)

[**2.5.2 Giải pháp khắc phục những mặt hạn chế** 37](#_Toc85188643)

[2.5.2.1. Đường nông thôn: 37](#_Toc85188644)

[2.5.2.2. Hệ thống nước 38](#_Toc85188645)

[2.5.2.3. Điện lưới: 39](#_Toc85188646)

[2.5.2.4. Trường học: 39](#_Toc85188647)

[2.5.2.5. Y tế: 40](#_Toc85188648)

[2.5.2.6. Thông tin liên lạc 40](#_Toc85188649)

[**Tóm tắt chương 2** 40](#_Toc85188650)

[III. KẾT LUẬN 41](#_Toc85188651)

[IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO 43](#_Toc85188652)

# I. PHẦN MỞ ĐẦU

## **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Độc lập dân tộc gắn với chủ quyền quốc gia đang là một xu thế của thế giới. Mỗi quốc gia dân tộc, dù lớn hay nhỏ, đều cố gắng khẳng định giá trị dân tộc. Đảng ta quan niệm: Tiến lên CNXH là một quá trình vận động, chuyển hóa liên tục, không ngừng phát triển từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Các đặc trưng của xã hội chủ nghĩa cũng luôn luôn vận động, chuyển hóa và phát triển. Với một quốc gia đa tộc người như Việt Nam thì vấn đề dân tộc chính là yếu tố cốt lõi quyết định vận mệnh của đất nước.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã đề cập một cách toàn diện vấn đề dân tộc và đề ra những giải pháp triệt để giải quyết vấn đề dân tộc. Cương lĩnh dân tộc của V.I.Lênin bao gồm ba điểm cơ bản nhất, có quan hệ mật thiết với nhau, đó là: Một là, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc; Hai là, thực hiện quyền dân tộc tự quyết; Ba là, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc là: chỉ có giai cấp vô sản mới có thể giải quyết triệt để vấn đề dân tộc. Thực hiện Cương lĩnh dân tộc của V.I.Lênin là một nguyên tắc nhất quán, lâu dài trong chính sách dân tộc của các đảng cộng sản.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc là biểu hiện tập trung của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thế kỷ XX. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc là quán triệt quan điểm giải phóng dân tộc và đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc. Muốn đoàn kết phải thực hiện bình đẳng, giúp nhau và các dân tộc cùng nhau làm chủ đất nước. Chỉ có đại đoàn kết dân tộc mới giành và giữ vững nền độc lập của Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Việt Nam là một quốc gia đa tộc có sự chênh lệch về số dân, trình độ phát triển giữa các tộc người, sự xen kẽ nơi cư trú, khác nhau về bản sắc riêng và đặc biệt là các dân tộc thiểu số thường phân bố chủ yếu ở các vị trí chiến lược quan trọng. Tuy có sự khác biệt nhưng các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó từ lâu đời. Để giữ gìn, phát huy khối đại đoàn kết và bản sắc văn hóa dân tộc, Đảng ta đã xác định rõ quan điểm về vấn đề dân tộc hiện nay: Một là, vấn đề dân tộc và đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của các mạng Việt Nam; Hai là, các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ…; Ba là, phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh – quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; Bốn là, ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi; Năm là, công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị.

Với những quan điểm, những chính sách của Đảng và Nhà Nước, đời sống của đồng bào dân tộc đã được cải thiện rõ rệt. Hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở hạ tầng thiết yếu được xây dựng nhằm đảm bảo phục vụ sản xuất cho người dân. Theo báo cáo 53 dân tộc năm 2020, có khoảng 73.3% các hộ dân tộc thiểu số đã được tiếp cận đến nguồn nước hợp vệ sinh trong sinh hoạt hằng ngày, khoảng 93% các hộ đã có điện lưới sinh hoạt.[[1]](#footnote-1) Theo báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh Lào Cai về kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021, số trường học đạt chuẩn Quốc gia tiếp tục tăng và nhiều trường vùng cao có cơ sở vật chất tốt, cảnh quan đẹp.[[2]](#footnote-2) Theo báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau về kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021, tỷ lệ xã có điện lưới quốc gia và đường ô tô đến trung tâm xã đạt 100%, các hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất.[[3]](#footnote-3)

Có thể thấy được sự khởi sắc về việc xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, những mặt hạn chế còn rất nhiều điển hình như khả năng tiếp cận thông tin, cơ sở hạ tầng về hệ thống thông tin liên lạc còn rất thấp ở các vùng dân tộc thiểu số. Khoảng cách từ nhà đến trường còn khá xa, một số vùng còn vẫn sử dụng nguồn nước không hợp vệ sinh.

Xuất phát từ tính cấp thiết, tình hình thực tế trên, nhóm chọn đề tài: “***Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thực trạng và giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống*** ***đồng bào KHƠ-ME*** ***ở nước ta hiện nay***” để nghiên cứu.

## **2. Đối tượng nghiên cứu**

*Thứ nhất,* dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

*Thứ hai,* thực trạng và giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào KHƠ-ME ở nước ta hiện nay.

## **3. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu thực trạng và giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào KHƠ-ME ở nước ta hiện nay.

## **4. Mục tiêu nghiên cứu**

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài:

*Thứ nhất*, làm rõ lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đồng bào KHƠ-ME; cơ sở hạ tầng và cơ sở hạ tầng thiết yếu.

*Thứ hai,* đánh giá thực trạng xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào KHƠ-ME ở nước ta thời gian qua.

*Thứ ba,* đề xuất giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào KHƠ-ME ở nước ta thời gian tới.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, trong đó chủ yếu nhất là các phương pháp: [phương pháp thu thập số liệu](https://winerp.vn/phuong-phap-nghien-cuu-khoa-hoc#Phuong_phap_thu_thapso_lieu); [phương pháp phân tích và tổng hợp](https://winerp.vn/phuong-phap-nghien-cuu-khoa-hoc#Phuong_phap_phan_tich_va_tong_thich_hopthuyet); [phương pháp lịch sử](https://winerp.vn/phuong-phap-nghien-cuu-khoa-hoc#Phuong_phap_lich_su) - logic;…

## **6. Kết cấu của đề tài**

Ngoài mục lục, phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, đề tài gồm 2 chương:

Chương 1: Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Chương 2: Thực trạng và giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào KHƠ-ME ở nước ta hiện nay.

# II. PHẦN NỘI DUNG

## **Chương 1. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

### **1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc.**

#### **1.1.1. Khái niệm dân tộc.**

*“Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, dân tộc là quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người, trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao, bao gồm: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc, dân tộc. Sự biến đổi của phương thức sản xuất chính là nguyên nhân quyết định sự biến đổi của cộng đồng dân tộc.”[[4]](#footnote-4)1*

Nếu như ở phương Tây, dân tộc xuất hiện khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được xác lập thì ở phương Ðông, dân tộc được hình thành trên cơ sở một nền văn hoá, một tâm lý dân tộc đã phát triển tương đối chín muồi và một cộng đồng kinh tế tuy đã đạt tới một mức độ nhất định nhưng vẫn còn phân tán và còn kém phát triển. Ta có thể hiểu dân tộc theo hai cách sau:

Một là, *“Dân tộc là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bưởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước”.1*

Đây là khái niệm dân tộc được hiểu theo nghĩa rộng. Với khái niệm này chúng ta có thể hiểu, dân tộc dùng để chỉ một quốc gia, toàn bộ nhân dân của một nước hay là một cộng đồng chính trị - xã hội

Hai là, *“Dân tộc là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa.”[[5]](#footnote-5)2*

Đây là khái niệm dân tộc được hiểu theo nghĩa hẹp. Với cách hiểu này thì dân tộc là cộng đồng những người xuất hiện lâu đời cụ thể là sau bộ tộc, bộ lạc và sau đó tiếp tục kế thừa, phát huy và phát triển cao hơn những nhân tố của các cộng đồng trước đó.

Có thể thấy, nhìn chung hai cách hiểu ở trên có sự khác nhau và không đồng nhất nhưng về bản chất chúng lại gắn bó mật thiết với nhau và không thể tách rời.

*“Nói đến dân tộc Việt Nam thì không thể bỏ qua 54 cộng đồng tộc người, trái lại, khi nói đến 54 cộng đồng tộc người ở Việt Nam phải gắn liền với sự hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam.”[[6]](#footnote-6)*

#### **1.1.2. Đặc trưng cơ bản của dân tộc.**

Ở phần trên, chúng ta đã đề cập tới khái niệm dân tộc theo hai cách hiểu khác nhau. Với mỗi cách hiểu thì dân tộc sẽ có những đặc trưng cơ bản riêng.

##### 1.1.2.1. Dân tộc trong nghĩa rộng.

Với nghĩa rộng, dân tộc có các đặc trưng có bản sau:

Một là, có chung cách thức sinh hoạt kinh tế. Ðây là đặc trưng quan trọng nhất, tạo nên nền tảng vững chắc của dân tộc bao gồm cả tính thống nhất, ổn định và bền vững.

*“Mối quan hệ kinh tế là nền tảng cho sự vững chắc của cộng đồng dân tộc. Nếu thiếu tính cộng đồng chặt chẽ, bền vững về kinh tế thì cộng đồng người chưa thể trở thành dân tộc.”[[7]](#footnote-7)*

Hai là, có lãnh thổ chung ổn định không bị chia cắt. Lãnh thổ bao gồm vùng đất, vùng biển, hải đảo, vùng trời thuộc chủ quyền của quốc gia và thường được thể chế hoá thành luật pháp quốc gia và luật pháp quốc tế. Xác lập và bảo vệ lãnh thổ quốc gia dân tộc là nhiệm vụ quan trọng đối với việc quyết định vận mệnh của một dân tộc.

*“Đối với quốc gia và từng thành viên dân tộc, yếu tố lãnh thổ là thiêng liêng nhất. Không có lãnh thổ thì không có khái niệm tổ quốc, quốc gia. Bảo vệ chủ quyền quốc gia là nghĩa vụ và trách nhiệm cao nhất của mỗi thành viên dân tộc.”2*

Ba là, có chung một nhà nước quản lý. Để phân biệt dân tộc – quốc gia và dân tộc – tộc người thì các cộng đồng tộc người trong một dân tộc phải chịu sự quản lý, điều khiển của một nhà nước độc lập.

*“Nhà nước là đặc trưng cho thể chế chính trị của dân tộc, là đại diện cho dân tộc trong quan hệ với các quốc gia dân tộc khác trên thế giới.”[[8]](#footnote-8)*

Bốn là, có ngôn ngữ chung của quốc gia làm công cụ giao tiếp. Trong một quốc gia đa dân tộc thì sẽ có rất nhiều ngôn ngữ khác nhau, nhưng để thuận tiện và tạo nên sự thống nhất bao giờ cũng sẽ có một ngôn ngữ dùng chung.

*“Tính thống nhất trong ngôn ngữ dân tộc là một ngôn ngữ đã phát triển và sự thống nhất về ngôn ngữ là một trong những đặc trưng chủ yếu của dân tộc.”1*

Năm là, có chung nét tâm lý biểu hiện qua nền văn hóa dân tộc và tạo nên bản sắc riêng của nền văn hóa dân tộc. Với các quốc gia có nhiều tộc người, sự thống nhất trong đa dạng văn hóa là đặc trưng, đồng thời là quy luật phát triển, là tiềm năng, sức mạnh nội sinh, tính hấp dẫn của nền văn hóa Việt Nam.

*“Cá nhân hoặc nhóm người nào từ chối những giá trị văn hóa dân tộc thì họ đã tự mình tách khỏi cộng đồng dân tộc.”1*

##### 1.1.2.2. Dân tộc trong nghĩa hẹp.

Dân tộc – tộc người có một số đặc trưng cơ bản sau:

Một là, cộng đồng về ngôn ngữ (bao gồm ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết; hoặc chỉ riêng ngôn ngữ nói). Ngôn ngữ chính là một đặc trưng cơ bản để phân biệt tộc người này với tộc người kia. Tuy nhiên, vì nhiều nguyên nhân khác nhau, có những tộc người không còn ngôn ngữ mẹ đẻ mà sử dụng ngôn ngữ khác làm công cụ giao tiếp.

Hai là, cộng đồng về văn hóa. Văn hóa bao gồm văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể mang những truyền thống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng,… của mỗi tộc người. Ngày nay, xu thế giao lưu văn hóa ngày càng phát triển nhằm tiếp thu, học hỏi những cái hay cái đẹp. Bên cạnh đó, vẫn tồn tại xu thế bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của mỗi tộc người.

Ba là, ý thức tự giác tộc người. Đây là tiêu chí quan trọng nhất để phân định một tộc người, quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người.

*“Ðặc trưng nổi bật là các tộc người luôn tự ý thức về nguồn gốc, tộc danh của dân tộc mình. Sự hình thành và phát triển của ý thức tự giác tộc người liên quan trực tiếp đến các yếu tố của ý thức, tình cảm, tâm lý tộc người.”*[[9]](#footnote-9)

### **1.2. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc.**

#### **1.2.1. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc.**

Xu hướng thứ nhất là một cộng đồng muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập. Nguyên nhân là các cộng đồng dân cư đó có sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình. Những phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với mục tiêu lấy lại sự tư do, công bằng tránh áp bức bóc lột thể hiện rõ cho xu hướng phát triển dân tộc thứ nhất này.

Xu hướng thứ hai, các dân tộc ở một hay thậm chí ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Sự phát triển đáng kể của lực lượng sản xuất, khoa học, công nghệ, cùng với sự giao lưu kinh tế và văn hoá đã làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ ngăn cách giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần, nhau cùng hợp tác phát triển. Xu hướng xích lại gần nhau thể hiện ở sự liên minh của các dân tộc trên cơ sở lợi ích chung về kinh tế, chính trị, văn hoá,… để hình thành các hình thức liên minh đa dạng như ASEAN, EU,…

Ngày nay, hai xu hướng ở trên có những biểu hiện rất đa dạng và phong phú cả trong *phạm vi quốc gia* và *phạm vi quốc tế*. Hai xu hướng phát triển có sự thống nhất biện chứng với nhau trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia và toàn nhân loại. Dù ở bất kì tình huống nào, luôn có sự tác động qua lại, hỗ trợ và ràng buộc lân nhau giữa hai xu hướng khách quan đó.

#### **1.2.2. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin.**

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp; dựa vào kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Nga những năm đầu thế kỷ XX, V.I.Lênin đã khái quát Cương lĩnh dân tộc như sau: *“Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại”.* [[10]](#footnote-10)

Một là, *Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng*. Ðây là quyền thiêng liêng của mọi dân tộc, các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi như nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

*“Trong quan hệ xã hội cũng như trong quan hệ quốc tế, không một dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác”.1* Để thực hiện được điều này, trước hết phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, rồi từ đó xoá bỏ tình trạng áp bức dân tộc.

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là nền tảng, cơ sở để tiến hành thực hiện quyền tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

Hai là, *Các dân tộc được quyền tự quyết.* Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng. Việc thực hiện phải xuất phát từ thực tiễn và phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân là yêu cầu không thể thiếu khi thực hiện quyền dân tộc tự quyết. Bởi tự quyết dân tộc không có nghĩa là các tộc người thiểu số trong một quốc gia được phép phân lập thành quốc gia độc lập. Từ đó những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động sẽ có môi trường, điều kiện thuận lợi để chống phá.

Ba là, *liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc*. Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính; là nền tảng, cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.Vì vậy nội dung vừa mang tính chủ yếu vừa được xem là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.

### **Tóm tắt chương 1**

Chương một đã khái quát được các vấn đề cơ bản của dân tộc trong thời kì quá độ lên Chủ nghĩa xã hội. Từ những gốc độ, những cách hiểu khác nhau được trình bày ở chương một về khái niệm dân tộc đã giúp chúng ta định hình chính xác dân tộc là gì. Từ đó rút ra những đặc trưng cơ bản của dân tộc. Tuy có vẻ hai gốc độ, hai cách hiểu khác nhau nhưng những đặc trưng được rút ra từ những cách hiểu đó lại có mối quan hệ biện chứng tác động qua lại lẫn nhau, kết hợp một cách chặt chẽ trong quá trình phát triển của dân tộc. Thông qua chương một, chúng ta đã tìm hiểu được chủ nghĩa Mác – Lênin về hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc và cương lĩnh dân tộc. Có thể thấy rằng cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin là một bộ phận trong cương lĩnh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, là cơ sở lý luận của đường lối, chính sách dân tộc của Đảng cộng sản và Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa.

Thông qua việc tiếp thu và phát huy những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc, Đảng và Nhà nước đã khái quát được đặc điểm và tình hình dân tộc của đất nước Việt Nam hiện nay, từ đó, thể hiện quan điểm về vấn đề dân tộc và đề ra được những chính sách phát triển phù hợp với thời đại và với từng vùng riêng biệt toàn diện về mọi mặt, từng bước khắc phục tình trạng chênh lệch phát triển giữa các dân tộc. Dù là một quốc gia đa dạng về tộc người nhưng tuyệt nhiên không có bất kì dân tộc nào bị bỏ lại. Chính tư tưởng tiến bộ và nhân văn này đã nâng cao tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc sống chung một lãnh thổ, phát huy nội lực của mỗi dân tộc, ngăn chặn từ đầu bất cứ tư tưởng kỳ thị, bất kỳ âm mưu chia rẽ dân tộc nào.

**Chương 2. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO KHƠ-ME Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **2.1. Đặc điểm dân tộc Việt Nam.**

#### **2.1.1. Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người.**

Việt Nam có 54 dân tộc cùng sinh sống, trong đó dân tộc Kinh với 82.085.826 người chiếm chiếm tỷ lệ gần 86% dân số trong khi 53 dân tộc còn lại chỉ chiếm hơn 14% dân số và số dân ở mỗi dẫn tộc cũng phân bố không đều.[[11]](#footnote-11)

Các dân tộc thiểu số chiếm tỉ lệ trong cơ cấu dân cư của Việt Nam theo thống kê từ cuộc tổng điều tra dân số năm 2019 như sau:

Thứ nhất, các dân tộc chiếm từ 1% - 2% dân số là: Tày, Thái, Mường, H’Mông, Khmer, Nùng.

Thứ hai, các dân tộc chiếm từ 0,5% - 1%: Dao, Hoa, Gia Rai.

Thứ ba, các dân tộc còn lại điều chiếm dưới 0,5% dân số nước ta. Đặc biêt 3 dân tộc chiếm tỉ lệ thấp nhất nước ta là Rơ măm (0,0007%), Brâu (0,0005%) và Ơ Đu (0,0004%).

Thực tế cho thấy,nếu một dân tộc mà số dân ít sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc tổ chức cuộc sống,bảo tồn tiếng nói và văn hóa dân tộc, duy trì và phát triển giống nòi. Do đó, việc phát triển số dân hợp lý cho các dân tộc thiểu số, đavự biệt đối với các dân tộc thiểu số rất ít người đang được Đảng và Nhà nước Việt Nam có những chính sách quan tâm đặc biệt.[[12]](#footnote-12)

#### **2.1.2. Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau.**

Dân tộc Kinh sinh sống rải rác, nhưng tập trung nhiều vào nhiều ở đồng bằng và châu thổ các con sông. Đa số các dân tộc còn lại sinh sống ở miền núi và trung du, trải dài từ Bắc vào Nam; hầu hết trong số họ sống xen kẽ nhau, điển hình là cộng đồng dân tộc thiểu số ở phía Bắc và Bắc Trung Bộ. Có hơn 30 dân tộc phân bố chủ yếu ở miền núi và trung du: ở vùng thấp, người Tày, Nùng tập trung nhiều ở tả ngạn sông Hồng. Người Thái, Mường phân bố từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Mã; Người Dao sống chủ yếu trên các sườn núi từ độ cao 700 đến 1000m; Người Mông sống trên các vùng núi cao; Khu vực Trường Sơn – Tây Nguyên có trên 20 dân tộc, cư trú thành vùng khá rõ rệt; Người Ê – đê ở Đắk Lắk; Người Gia – rai ở Kon Tum và Gia Lai; Người Mông, Cơ – ho ở Lâm Đồng…; Duyên hải cực nam Trung Bộ có người Chăm; Nam Bộ có người Khơ – me, người Chăm; Người Hoa sống chủ yếu ở các đô thị, nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh; Các tỉnh cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ có các dân tộc Chăm, Khmer cư trú thành từng dải hoặc xen kẽ với người Kinh; Hiên nay, một số dân tộc miền núi phía Bắc đã đến cư trú ở Tây Nguyên.[[13]](#footnote-13)

Hình 1: Bản đồ phân bố dân tộc

#### **2.1.3. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng.**

Chỉ chiếm 14% dân số, nhưng 53 dân tộc thiểu số Việt Nam lại phân bố trên ¾ diện tích lãnh thổ và ở những vị trí trọng yếu về kinh tế,chính trị, an ninh quốc phòng như vùng biên giới, hải đảo, các vùng sâu vùng xa của nước ta. Suốt dọc biên giới phía Bắc và phía Tây có nhiều cửa ngõ thông thương giữa nước ta với các nước láng giềng.[[14]](#footnote-14)

Người Kinh là dân tộc đa số, sinh sống trên khắp các vùng lãnh thổ nhưng chủ yếu ở vùng đồng bằng, các hải đảo và tại các khu đô thị.

Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở các vùng biên giới, hải đảo trên rừng núi đây là những nơi có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mang tầm chiến lược có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ ở Việt Nam.

Hầu hết các nhóm dân tộc thiểu số (trừ người Hoa, người Khmer, người Chăm) sinh sống tại các vùng trung du và miền núi.

Dân tộc Dao cư trú chủ yếu ở biên giới Việt-Trung, Việt-Lào và ở một số tỉnh trung du và ven biển Bắc bộ Việt Nam. Họ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ biên giới quốc gia.

#### **2.1.4. Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều.**

Trình độ phát triển của các tộc người và giữa các vùng miền không đồng đều, có nhiều nguyên nhân: do điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, sự ảnh hưởng của thiên tai, do yếu tố lịch sử văn hóa truyền thống...

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lớn và lâu dài. Trong công cuộc đổi mới, giải quyết vấn đề dân tộc là xác định đường lối, hoạch định chính sách để đưa các dân tộc thoát khỏi đói nghèo và lạc hậu, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, địa hình chia cắt, dân trí thấp, trong sản xuất, kinh doanh của đồng bào còn mang nặng tính tự cấp, tự túc, ít có sự giao lưu, trao đổi hàng hóa nên điều kiện hòa nhập gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, nền kinh tế của đất nước đã vượt qua khó khăn, giữ được mức tăng trưởng, đời sống của nhân dân nhìn chung đã được cải thiện rõ rệt so với trước đây.

Thực trạng phát triển không đều dẫn đến khoảng cách ngày càng lớn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, miền. Những vấn đề thiết yếu ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi nhất là trên địa bàn đặc biệt khó khăn. Ðó là, nghèo đói, thất học, thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước cho sinh hoạt và sản xuất của người dân... đồng thời bảo đảm cho sự ổn định và phát triển nhanh, toàn diện, bền vững để miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nhập vào sự phát triển chung của đất nước.

Muốn thực hiện bình đẳng dân tộc hì phải từng bước giảm, tiến tới xóa bỏ khoảng cách phát triển giữa các dân tộc về kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây là nội dung quan trọng trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam để các dân tộc thiếu số phát triển nhanh và bền vững. [[15]](#footnote-15)

#### **2.1.5. Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất.**

Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống vô cùng quý báu của công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Tinh thần yêu thương đùm bọc lẫn nhau đã thấm sâu vào tư tưởng mỗi người dân, trở thành lẽ sống và là chất keo gắn kết các thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam. Lịch sử tồn tại và phát triển hàng nghìn năm của dân tộc ta chứng tỏ truyền thống đoàn kết dân tộc, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đoàn kết thành sức mạnh bất khả chiến bại giúp Việt Nam vượt qua mọi khó khăn.



Hình 2: Hình ảnh khối đại đoàn kết dân tộc

Thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc đã trở thành kinh nghiệm để thực hiện thuận lợi sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, kinh nghiệm này vẫn còn nguyên giá trị và cần phát huy hơn nữa để huy động sức mạnh toàn dân trên cả nước thực hiện công cuộc đổi mới vì mục tiêu quốc gia:dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.[[16]](#footnote-16)

#### **2.1.6. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hoá Việt Nam thống nhất.**

Văn hóa dân tộc là hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần được dân tộc sáng tạo ra trong lịch sử. Xét về bản chất, nó không chỉ thể hiện tinh thần, linh hồn, cốt cách, bản lĩnh của một dân tộc mà còn là những nét độc đáo rất riêng của dân tộc này so với dân tộc dân tộc khác.

Theo điều tra, thống kê, tổng số lễ hội trong toàn quốc có 7.966 lễ hội, trong đó lễ hội Dân gian truyền thống có gần 7.039 (chiếm 88,36%). Mỗi dân tộc có những lễ hội truyền thống mang đậm bản sác văn hóa dân tộc với lịch sử lâu đời góp phần tạo nên sự đa dạng của nền văn hóa Việt Nam tiêu biểu như:[[17]](#footnote-17)

Thứ nhất là lễ hội “Ok om bok” của đồng bào Khmer - Sóc Trăng, lễ hội này diễn ra hàng năm vào ngày rằm tháng 10 âm lịch.



Hình 3: Ðua ghe ngo trong lễ hội Ok Om Bok

Thứ hai là lễ hội “Trò trám” của đồng bào dân tộc Tày – Phú Thọ, diễn ra từ đêm 11 đến hết ngày 12 tháng Giêng hàng năm.



Hình 4: Lễ hội Trò Trám xóm Trám, xã Tứ Xã (huyện Lâm Thao)

Thứ ba là lễ hội Ka Tê của đồng bào Chăm ở Ninh Thuận diễn ra vào mồng 1 tháng 7 âm lịch hàng năm(theo lịch Chăm), có thể nói đây là một trong những ngày hội lớn của các dân tộc anh em Kinh, Chăm, Gia Rai.



Hình 5: Lễ hội Ka Tê–lễ hội đặc sắc hàng năm của đồng bào Chăm

Thứ tư là lễ hội Lồng tồng của đồng bào Tày, Nùng phía Bắc, diễn ra hàng năm vào 15,16 tháng Giêng.



Hình 6: Lễ hội Lồng Tồng – nét đẹp trong văn hóa của dân tộc Tày, Nùng

Ngoài ra 53 dân tộc thiểu số với những đặc trưng văn hóa riêng biệt của từng dân tộc từ ẩm thực dân tộc, trang phục dân tộc đến văn hóa từng dân tộc: Văn học dân gian (truyện cổ tích các dân tộc, truyện thơ, sử thi); Nghệ thuật tạo hình dân gian (nhà ở Tây Nguyên, Việt Bắc...); Nghệ thuật biểu diễn (cồng chiêng Tây Nguyên, dân ca, cưới xin, dân ca giao duyên); Tri thức dân gian (tri thức dân gian trong lao động sản xuất); Tín ngưỡng dân gian (các hình thức sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của các dân tộc).

Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng mang đậm bản sắc dân tộc góp phần tạo nên sự phong phú và đa dạng của nền văn hoá Việt Nam thống nhất.

### **2.2. Khái quát về đồng bào Khmer.**

#### **2.2.1. Các đặc điểm chung.**

Người Khmer tại Việt Nam hay còn gọi là người Miên, Khmer Krom, Khmer Hạ, Khmer dưới, Khmer Việt được công nhận là một dân tộc trong số 54 [dân tộc tại Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1c_d%C3%A2n_t%E1%BB%99c_Vi%E1%BB%87t_Nam). Ở Việt Nam, người Khmer là dân tộc bản địa có lịch sử định canh định cư rất lâu dài, sống chủ yếu ở miền nam Việt Nam đặc biệt là đồng bằng sông Cửu Long thuộc các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu, Kiên Giang, An Giang, Hậu Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, Bến Tre. Với dân số khoảng 1.3 triệu người vào 1/4/2019, người Khmer đứng thứ 6 về dân số các dân tộc của Việt Nam. Người Khmer Krom nói tiếng Khmer, một ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer trong hệ Nam Á và là ngôn ngữ chính thức của Campuchia[[18]](#footnote-18)

#### **2.2.2. Đặc điểm về kinh tế.**

##### 2.2.2.1. Về nông nghiệp.

Có thể khẳng định rằng nền nông nghiệp là nguồn cung cấp lương thực thực phẩm chủ yếu cho đời sống con người, cho chăn nuôi, trao đổi hàng hoá của người Khmer. Ngay khi định cư và khai phá vùng đồng bằng sông Cửu Long, người Khmer đã sinh sống bằng nông nghiệp, đó là gieo trồng lúa nước và các cây lương thực, hoa màu. Bên canh đó trong quá trình sinh sống cùng người Việt cũng như các dân tộc khác, người Khmer đã tiếp thu thêm các kinh nghiệm gieo trồng, làm phong phú thêm vốn sản xuất nông nghiệp của mình. Nổi tiếng trong nền nông nghiệp của người Khmer là lúa nước. Với lợi thế khí hậu cùng địa hình và nguồn nước, việc gieo trồng lúa nước của người Khmer rất phát triển. Vụ mùa của người Khmer thường bắt đầu từ tháng 4 hàng năm là thời gian khởi đầu của mùa mưa ở đông bằng sông Cửu Long. Tuỳ theo điều kiện thổ nhưỡng, thuỷ lơi,... của từng địa phương mà người Khmer có các vụ mùa như: Lúa mùa, lúa sớm, lúa muộn, lúa nổi. Cũng như nhiều cư dân nông nghiệp ở nước ta, người Khmer đã sớm hình thành nên một hệ thống kỹ thuật canh tác lúa nước thích hợp với điều kiện tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long. Cùng với sự ảnh hưởng của kỹ thuật canh tắc của người Việt, các khâu canh tác lúa nước của người Khmer có thể chia ra: Làm đất, làm mạ, cấy lúa, chăm sóc và thu hoạch. Việc gieo trồng lúa nước của người Khmer chiếm đa số trong sản xuất nông nghiệp của người Khmer. Ngoài ra, việc canh tác các loại cây lương thực như khoai, sắn, ngô,.. và các loại rau đậu, hoa màu cũng được chú ý. Việc gieo trồng các loại cây này được tiến hành rộng rãi, xen canh trên ruộng giữa các vụ lúa.

##### 2.2.2.2. Về thủ công nghiệp*.*

Hoạt động thủ công nghiệp của người Khmer chủ yếu là cung cấp những vật dụng sinh hoạt trong gia đình như đan lát, chế tạo các đồ dùng bằng tre, mây...như các loại thùng, rổ, rá, bàn ghế, nông cụ. Nghề thủ công được thực hiện lúc rảnh rỗi khi làm xong công việc đồng áng và gắn liền với những buổi sinh hoạt gia đình. Nghề thủ công nghiệp của người Khmer rất nổi tiếng với chất lượng cũng như hình thức thẩm mỹ và được phát triển rộng rãi ở miền Nam. Có thể kể tới như nghề dệt chiếu ở Vĩnh Châu (Hậu Giang), ở Tri Tôn (An Giang), Sóc Xoài (Kiên Giang) có nghề làm gốm, đặc biệt là nồi đấ và cà ràng, nghề chăn tằm dệt lụa phát triển ở vùng nông thôn như Cầu Kè, Cầu Ngang (Trà Vinh).

##### 2.2.2.3. Về chăn nuôi, đánh cá.

Chăn nuôi ở vùng Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long chưa tách hẳn khỏi nông nghiệp, vẫn còn mang tính chất gia đình và nhằm tận dụng nguồn nông sản dư thừa, vương vãi. Hầu hết các gia đình nông dân Khmer đều có chăn nuôi trâu, bò, heo, gà, vịt,...

Vùng đồng bằng sông Cửu Long, nơi cư trú của người Khmer nhiều kênh rạch, ven bờ biển như các huyện Vĩnh Châu, Trà Cú, Bạc Liêu, ven các sông lớn như sông Tiền, sông Hậu, là nơi có nhiều cá tôm, thủy sản. Người Khmer đã sớm biết được các kỹ thuật đánh bắt cá nước ngọt, nước lợ và ven biển.

##### 2.2.2.4. Về thương nghiệp.

Số người Khmer sống bằng buôn bán rất ít, phần nhiều là những người sống ở tỉnh ly, thị trấn và có quan hệ hôn nhân với người Hoa. Trong lĩnh vực buôn bán, hầu hết người Khmer buôn bán nhỏ, với các cửa hiệu tạp hóa, dịch vụ vụn vặt, vừa ít vốn lại ít hàng. Hàng hóa của người Khmer buôn bán bao gồm các nhu yếu phẩm trong đời sống, một số sản phẩm thủ công, thực phẩm…Một số gia đình Khmer buôn bán tuy có cửa hàng ở thị trấn, thị tứ nhưng nguồn sống lại trông vào sản phẩm nông nghiệp, họ vừa buôn bán vừa làm ruộng.

Người Khmer  là cư dân nông nghiệp. Nghề nông là hoạt động kinh tế chủ yếu, chiếm vai trò quan trọng, chi phối toàn bộ đời sống xã hội, văn hóa của vùng Khmer. Trong sản xuất nông nghiệp, người Khmer có kỹ thuật canh tác khá phong phú và hiệu quả. Tuy nhiên, Sản xuất nông nghiệp của người Khmer mang tính chất độc canh. Việc gieo trồng cây lúa là chủ yếu, chiếm hết đất đai và công sức của nông dân Khmer, còn hoa màu và cây ăn quả chưa được chú ý nhiều và thỏa đáng. Sản xuất nông nghiệp của người Khmer vẫn là một nền sản xuất nhỏ và còn phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên. Chính những điều đó đã hạn chế rất nhiều kết quả sản xuất cũng như sự đổi mới của vùng nông thôn Khmer này.Các hoạt động kinh tế phụ như thủ công nghiệp, chăn nuôi…vẫn chưa tách khỏi sản xuất nông nghiệp, vẫn còn phụ thuộc vào nông nghiệp, đã hạn chế rất nhiều tiềm năng lao động của người lao động Khmer.

#### **2.2.3. Đặc điểm về văn hoá, xã hội.**

Ăn: Người Khmer trồng hơn 150 giống lúa tẻ và nếp khác nhau, họ thường ăn cơm tẻ và cơm nếp. Họ chế biến rất nhiều loại mắm : mắm *ơn pứ* làm bằng tôm tép, mắm *pơ inh* làm bằng cá sặc, nhưng nổi tiếng nhất là mắm *b’hóc* làm bằng cá lóc, cá sọc, cá trê, tôm tép trộn với thính và muối. Gia vị ưa thích nhất là vị chua (từ quả me hay mè) và cay (hạt tiêu, tỏi, sả, ớt, cari...).

Mặc:Nam, nữ trước đây đều mặc xà rông bằng lụa tơ tằm do họ tự dệt. Lớp thanh niên ngày nay thích mặc quần âu với áo sơmi. Những người đứng tuổi, người già thường mặc quần áo bà ba màu đen, nam giới khá giả đôi khi mặc quần áo bà ba màu trắng với chiếc khăn rằn luôn quấn trên đầu, hoặc vắt qua vai. Chỉ đặc biệt trong cưới xin, nam nữ mới mặc quần áo cổ truyền. Chú rể mặc xà rông, áo màu đỏ, cổ đứng với hàng khuy trước ngực, bên vai trái quàng chiếc khăn dài trắng (*kăl xinh*) và con dao cưới (*kầm pách*).

****

Hình 7: Trang phục truyền thống của người Khmer

Ở:Người Khmer trước đây ở nhà sàn, nay sống trong các ngôi nhà trệt, mái lá, vách lá đơn giản.



Hình 8: Nhà ở của người Khmer

Quan hệ xã hội:Gia đình nhỏ một vợ một chồng, ở riêng, và là đơn vị kinh tế độc lập, có nơi 3-4 thế hệ sống chung trong một nhà. Xã hội Khmer vẫn còn tồn tại nhiều tàn dư mẫu hệ.

Thờ cúng:Thờ Phật, tổ tiên và thực hành các nghi lễ nông nghiệp như cúng Thần Ruộng (*Neak Tà xre*), gọi hồn lúa (*Ok Om leok*), Thần Mặt Trăng (*Ok Om bok*).

Học:Con trai khi lớn đều được cha mẹ gửi cho vào chùa làm sư từ 3 đến 5 năm. Họ được học kinh Phật, học chữ Khmer ở các trường chùa. Chỉ sau nghĩa vụ tu hành, họ mới được phép hoàn tục và mới có quyền được lập gia đình.

Văn nghệ:Người Khmer có cả một kho tàng phong phú về truyện cổ như thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười, có một nền sân khấu truyền thống như Dù kê, Dì kê, một nền âm nhạc vừa có nguồn gốc Ấn Độ, vừa có nguồn gốc Đông Nam Á. Nghệ thuật và kiến trúc chùa tháp được coi là di sản đặc sắc nhất của văn hóa Khmer. Trong các ngôi chùa Khmer của Phật giáo Tiểu thừa (*Thérévada*), ngoài tượng Đức Phật Thích Ca được tôn thờ duy nhất, chiếm vị trí trung tâm khu chính điện, vẫn tồn tại một hệ thống phong phú linh thần, linh thú - những dấu vết tàn dư còn lại của Bà la môn giáo và tín ngưỡng dân gian.



Hình 9: Chùa Dơi tại Sóc Trăng

### **2.3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở hạ tầng thiết yếu.**

#### **2.3.1. Cơ sở hạ tầng.**

Khái niệm: *“Trong triết học, cơ sở hạ tầng trong*[*chủ nghĩa duy vật lịch sử*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_ngh%C4%A9a_duy_v%E1%BA%ADt_l%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD)*, là tổng hợp những*[*quan hệ sản xuất*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Quan_h%E1%BB%87_s%E1%BA%A3n_xu%E1%BA%A5t)*tạo thành cơ cấu kinh tế của một xã hội nhất định. Thông thường, cơ sở hạ tầng của một xã hội ở một giai đoạn lịch sử nhất định bao gồm ba loại quan hệ sản xuất: quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất tàn dư, quan hệ sản xuất mầm mống (tương lai) - trong đó, quan hệ sản xuất thống trị quy định, chi phối các quan hệ sản xuất còn lại.”[[19]](#footnote-19)*

#### **2.3.2. Cơ sở hạ tầng thiết yếu.**

Khái niệm: *Cơ sở hạ tầng thiết yếu được hiểu là toàn bộ những điều kiện vật chất, kỹ thuật, cơ chế hoạt động, thiết chế xã hội được trang bị các yếu tố vật chất và môi trường phục vụ cho hoạt động sản xuất và đời sống con người.[[20]](#footnote-20)*

Dựa theo những tiêu chí khác nhau mà cơ sở hạ tầng được chia thành những nhóm khác nhau. Với cơ sở hạ tầng thiết yếu thì được chia làm 3 loại chính: Cơ sở hạ tầng về kinh tế, xã hội và môi trường. Các loại cơ sở hạ tầng trên có mối quan hệ tương tác với nhau, trong đó, cơ sở hạ tầng kinh tế giữ vị trí quan trọng, có tác động và quyết định đến sự phát triển các loại cơ sở hạ tầng khác nhau.

##### 2.3.2.1. Cơ sở hạ tầng về kinh tế.

Khái niệm: *“là bộ phận cơ sở hạ tầng thuộc những ngành phục vụ cho quá trình trực tiếp sản xuất tạo ra sản phẩm hoặc tiếp tục quá trình sản xuất trong lĩnh vực lưu thông. Nó bao gồm có hệ thống giao thông vận tải, hệ thống thuỷ lợi, cấp thoát nước, hệ thống truyền tải điện,..”.[[21]](#footnote-21)*

*2.3.2.1.a. Giao thông vận tải.*

Với khoảng cách 3.4 km từ nhà đến chợ và 5.3 km từ nhà đến trường học có thể thấy rằng cơ sở hạ tầng tại các vùng đồng bào dân tộc người Khmer đã được đầu tư một cách mạnh mẽ và nhanh chóng. Phần lớn các đường giao thông ở các làng cách xa trung tâm huyện đã được cứng hoá và không có nhiều sự chênh lệch giữa các khu vực và các vùng kinh tế khác. Tại Sóc Trăng, tuyến đường giao thông được đầu tư 470km đường tỉnh, huyện và 1528 km đường giao thông nông thôn[[22]](#footnote-22). Hay tại Cần Thơ, đã và đang triển khai 8 dự án giao thông trọng điểm trong giai đoạn 2021-2025, với tổng vốn đầu tư dự kiến gần 7.500 tỉ đồng để liên kết với các tuyến đường chính và các tuyến đường giao thông tại các vùng của người Khmer.

*2.3.2.1.b. Hệ thống thuỷ lợi và hệ thống nước sạch.*

Người Khmer sinh sống chủ yếu ở các tỉnh miền Nam, vùng miền có khá nhiều hệ thống sông ngòi, nên không khó hiểu khi tại những vùng này đã được đầu tư xây dựng những hệ thống thuỷ lợi, những hệ thống nước sạch nhằm phục vụ cho đời sống của người dân Khmer. Theo thống *kê “Điều tra thực trạng tình hình kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015”,* tỷ lệ người Khmer được tiếp cận và sử dụng nước sạch là 93.9%. Hay tại An Giang,  để khắc phục việc thiếu nước của đồng bào vùng cao Bảy Núi vào mùa khô hạn, từ năm 2018 - 2020, An Giang đã xây dựng thêm 5 hồ thủy lợi và 3 trạm bơm điện tại hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, với tổng kinh phí hơn 360 tỷ đồng. Có thể thấy rằng việc phát triển hệ thống nước tại khu vực người Khmer được triển khai khá mạnh mẽ và sự tiếp cận tới nguồn nước sạch của người dân là khá cao.

*2.3.2.1.c. Hệ thống truyền tải điện.*

Theo thống *kê “Điều tra thực trạng tình hình kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015”,* tỷ lệ người Khmer được sử dụng điện là vào khoảng 98%. Có thể thấy rằng việc đưa mạng lưới điện đến những vùng của người Khmer đã được hoàn thành khá tốt. Nhũng dự án truyền tải và nâng cấp mạng lưới điện đã, đang và sẽ diễn ra nhiều hơn ở các vùng khó khăn khác của người Khmer.

##### 2.3.2.2. Cơ sở hạ tầng về xã hội.

Khái niệm: ***“****Là bộ phận CSHT thuộc các ngành, các lĩnh vực đảm bảo những điều kiện chung cho các hoạt động văn hoá, xã hội và đời sống sinh hoạt của con người. Đó là bộ phận CSHT ở các ngành giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội, lĩnh vực nhà ở và các công trình công cộng.[[23]](#footnote-23)*

*2.3.2.2.a. Giáo dục.*

Việc đầu tư cho giáo dục là một việc quan trọng mà nhà nước đã đề ra và thực hiện dành cho các vùng có dân tộc thiểu số, trong đó có người Khmer. Việc xây dựng các điểm trường học được thực hiện tới tận thôn, làng tại các vùng sâu, vùng xa, các vùng khó khăn. Lực lượng giáo việc được phân công giảng dạy tại các điểm trường được gia tăng. Những chính sách khuyến khích học sinh đi học cũng là những điều cần thiết để gia tăng số lượng người biết chữ tại các vùng này. Tại tỉnh Trà Vinh, với tỷ lệ đồng bào dân tộc Khmer chiếm gần 32% dân số của tỉnh, tỉnh Trà Vinh tập trung đầu tư phát triển cơ sở vật chất hệ thống trường lớp, trang thiết bị dạy học và xây dựng đội ngũ giáo viên trong vùng có đông đồng bào Khmer đạt trình độ chuẩn hóa. Đến nay, toàn tỉnh có 3.334 cán bộ, giáo viên, nhân viên là người Khmer, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục và đào tạo.[[24]](#footnote-24)

*2.3.2.2.b. Y tế.*

Sự phát triển của ngành y tế cũng là một điều quan trọng trong sự phát triển cơ sở hạ tầng về xã hội. Những cơ sở y tế được xây dựng tới tận cấp xã, đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Lượng cán bộ y tế được điều chuyển về những vùng của người Khmer được tăng cao. Những năm gần đây, chính phủ đã đề ra các chính sách giải pháp về bảo hiểm y tế cho người dân nhưng theo thống *kê “Điều tra thực trạng tình hình kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015”,* tỷ lệ người Khmer sử dụng bảo hiểm y tế là còn khá thấp, vào khoảng 47.8%.

*2.3.2.2.c. Công trình công cộng.*

Là vùng nổi tiếng với những nét văn hoá riêng nên không khó hiểu khi những chính sách về việc phát triển các công trình công cộng được diễn ra mạnh mẽ. Các công trình về giáo dục, y tế, thể thao và đặc biệt là tôn giáo tín ngưỡng được phát triển mạnh. Các công trình về chùa được coi là những biểu tượng và là nét văn hoá riêng của người dân Khmer, góp phần làm đẹp cho cảnh quan môi trường và thúc đẩy mạnh mẽ ngành du lịch.

##### 2.3.2.3. Cơ sở hạ tầng về môi trường.

Khái niệm: “*là bộ phận cơ sở hạ tầng ở các lĩnh vực phục vụ cho việc bảo vệ, giữ gìn và cải tạo môi trường sinh thái như: các công trình phòng chống thiên tai, các công trình bảo vệ đất đai rừng biển và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ thống xử lý chất thải công nghiệp.”[[25]](#footnote-25)*

Với sự biến đổi khó lường của thời tiết, các loại thiên tai thường diễn ra với tuần suất cao hơn, từ hạn hán đến xâm nhập mặn,... gây ảnh hưởng tới đời sống của người dân miền Nam, trong đó có người Khmer. Các kế hoạch phòng chống và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai đã, đang và sẽ được thực hiện. Việc xây dựng và nâng cấp hệ thống thuỷ lợi đã cũ kỹ là điều cần thiết khi khu vực bị ảnh hưởng bởi hạn hán. Hay việc phát triển các giống cây trồng thích nghi với việc xâm nhập mặn là điều cần thiết. Ngoài ra, việc nâng cấp hệ thống thoát nước hay việc trồng rừng đầu nguồn sẽ giúp cho việc nước dâng cao bớt gây ảnh hưởng đến đời sống của người Khmer. Các hệ thống xử lý chất thải cũng cần được nâng cấp để đảm bảo an toàn hơn cho cuộc sống của người dân.

#### **2.3.3. Vai trò của cơ sở thiết yếu đối với người dân Khmer.**

Ba lĩnh vực cơ sở hạ tầng thiết yếu là kinh tế, xã hội và môi trường có sự ảnh hưởng qua lại với nhau, do đó nếu muốn phát triển tốt ở một lĩnh vực nào đó cần chú trọng phát triển ở hai lĩnh vực còn lại. Việc phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu cũng có rất nhiều lợi ích cho cuộc sống của người Khmer:

Một là, góp phần ổn định cuộc sống của đồng bào Khmer.

Hai là, giúp họ có khả năng tiếp cận những thông tin liên lạc, những chính sách của chính phủ một cách nhanh chóng.

Ba là, góp phần xoá bỏ nạn mù chữ, tăng cao tỷ lệ học tập của người dân.

Bốn là, tạo cảnh quan cho vùng sinh sống của người dân.

Năm là, thúc đẩy kinh tế của vùng, trọng điểm là ngành du lịch.

### **2.4. Thực trạng xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào Tày ở nước ta thời gian qua**

#### **2.4.1. Những mặt đạt được**

##### 2.4.1.1. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế.

Từ năm 1999 đến nay, tỉnh Sóc Trăng đã đầu tư cho 137 lượt xã và 170 lượt ấp đặc biệt khó khăn, với kinh phí trên trên 744 tỉ đồng, ngoài ra, Sóc Trăng cũng đã thực hiện hơn 1.200 công trình giao thông nông thôn, thủy lợi, điện thắp sáng, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế…, từ những công trình nói trên đã giúp đời sống đồng bào Khmer ở địa phương này ngày càng phát triển toàn diện.[[26]](#footnote-26)

Trong giai đoạn 2014-2019, tỉnh Sóc Trăng đã triển khai thực hiện Dự án cung cấp điện cho các hộ dân chưa có điện chủ yếu là đồng bào dân tộc Khmer tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2 và giai đoạn 3 với tổng vốn đầu tư trên 300 tỷ đồng, cấp điện cho 25.359 hộ. Bên cạnh đó, tỉnh còn triển khai thực hiện các dự án điện nông thôn và các dự án nâng cấp, cải tạo đường dây và trạm biến áp, với tổng kinh phí trên 1.200 tỷ đồng.[[27]](#footnote-27)

Từ năm 2012 đến nay, tỉnh Vĩnh Long đầu tư trên 9,5 tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng như điện, giao thông nông thôn và xây dựng các dự án phát triển sản xuất cho bà con Khmer vùng đặc biệt khó khăn ở xã Tân Mỹ (Trà Ôn) và 11 ấp đặc biệt khó khăn ở TX Bình Minh, Trà Ôn và Tam Bình.[[28]](#footnote-28)

##### 2.4.1.2. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển giáo dục.

Cùng với phát triển kinh tế, sự nghiệp giáo dục và đào tạo cho con em người dân tộc Khmer cũng được tỉnh Sóc Trăng quan tâm thực hiện. Toàn tỉnh có 159 trường dạy song ngữ Việt – Khmer, trong đó có 9 trường phổ thông dân tộc nội trú, 1 trường bổ túc văn hóa PaLi Trung cấp Nam Bộ; 511 nhà sinh hoạt cộng đồng, tụ điểm văn hóa chùa Khmer; 1 đoàn nghệ thuật Khmer chuyên nghiệp; 1 nhà trưng bày lưu giữ hơn 460 hiện vật của đồng bào Khmer. Hiện 100% đồng bào Khmer trong tỉnh được tiếp cận với phát thanh, truyền hình; bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp được giữ gìn và phát huy.

Năm học 2020, Sóc Trăng có 360 điểm trường vùng đồng bào Khmer, 142 trường dạy song ngữ với tổng số học sinh theo học ở các cấp hơn 75 nghìn em, 2.139 giáo viên là người dân tộc Khmer. Tỉnh hiện có 11 trường THPT và 10 trường THCS Dân tộc nội trú.[[29]](#footnote-29)

Tỉnh Trà Vinh luôn tập trung đầu tư phát triển cơ sở vật chất hệ thống trường lớp, trang thiết bị dạy học và xây dựng đội ngũ giáo viên trong vùng có đông đồng bào Khmer đạt trình độ chuẩn hóa. Đến nay, toàn tỉnh có 3.334 cán bộ, giáo viên, nhân viên là người Khmer, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục và đào tạo.[[30]](#footnote-30)

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác dạy và học của con em đồng bào Khmer, Trà Vinh tranh thủ từ nguồn lực Trung ương. Đây là địa phương đi đầu trong các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long về phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) từ tỉnh đến huyện. Ngoài trường PTDTNT cấp tỉnh và Trường Trung cấp Pali Khmer, 8 huyện và thành phố trong tỉnh đều có trường PTDTNT, đáp ứng nhu cầu giáo dục và hoạt động nội trú. Trường PTTHNT- THCS - THPT huyện Tiểu Cần là trường PTDTNT đạt chuẩn đầu tiên tại Đồng bằng sông Cửu Long được xây dựng từ đầu năm 2016, với kinh phí hơn 100 tỷ đồng.

##### 2.4.1.3. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển xã hội.

Về y tế, Sóc Trăng có 1.027 y, bác sĩ người Khmer, tất cả địa bàn xã có đông đồng bào Khmer đều có trạm y tế và bác sĩ điều trị. Các chương trình y tế quốc gia vùng đồng bào Khmer được triển khai thực hiện tốt.

Đến nay Sóc Trăng đã xây dựng được 23 nhà văn hóa, 92 phòng đọc sách, 92 tủ sách pháp luật tại các điểm chùa Khmer. Nhằm nâng cao hiểu biết tạo dựng một cộng đồng xã hội người Khmer văn minh hơn.

Tỉnh Sóc Trăng đã xây dựng và bàn giao được trên 7 nghìn căn nhà cho các hộ nghèo là nguời dân tộc Khmer; xây dựng nhiều trạm cấp nước, bể chứa nước, giúp cho 85,52% tổng số hộ Khmer sống ở nông thôn có nước hợp vệ sinh để sử dụng; kéo điện cho các hộ nghèo, nâng số hộ có điện sử dụng lên 87.458 hộ, đạt 91,44% tổng số hộ Khmer…

##### 2.4.1.4. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển môi trường.

Từ năm 2012 đến nay tỉnh Vĩnh Long xây dựng 4 trạm cấp nước sạch theo Chương trình 134 của Chính phủ cho các ấp Mỹ Thuận, Cần Thay, Trà Mòn và trung tâm xã Tân Mỹ, xã Trà Côn (Trà Ôn), với tổng kinh phí 3,1 tỷ đồng.[[31]](#footnote-31)

Ngoài ra, tỉnh còn hỗ trợ xây dựng lu xi măng và lắp đặt đồng hồ nước sinh hoạt cho 963 hộ Khmer nghèo sống phân tán ở các vùng nông thôn, với 481 triệu đồng, bình quân mỗi hộ được hỗ trợ 500.000đ. Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho 383 hộ, kinh phí 7,3 tỷ đồng.

Năm 2018, trên địa bàn xã có 07 hộ được hỗ trợ xây dựng nhà lưới để trồng rau màu an toàn từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, với kinh phí khoảng 25 – 30 triệu đồng/hộ[[32]](#footnote-32) tùy theo diện tích đất. Ngoài ra, các hộ này còn được hỗ trợ hạt giống, phân, thuốc và hướng dẫn sản xuất rau an toàn cho vụ đầu tiên. Điều này đã giúp bà con đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn xã có được nền tảng sản xuất tốt.

##### 2.4.1.5 Nguyên nhân những mặt đạt được.

*Mặt thứ nhất đạt được vì:* Về mặt công tác dân tộc và chính sách dân tộc luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đề ra nhiều chủ trương và chính sách hợp lý tiến tới mục tiêu phát triển nhằm thúc đẩy kinh tế vùng dân tộc phát triển.

Bên cạnh đó thực hiện các chính sách phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, đồng thời triển khai thực hiện hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nhằm đem lại nguồn thu nhập tốt hơn cho người dân. Củng cố và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng lòng tin giữa nhân dân với Đảng, chính quyền.

Đẩy mạnh chính sách hỗ trợ đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn. Tiêu biểu như thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội, các địa phương trong tỉnh cũng giải ngân để hỗ trợ kinh phí cho người dân Khmer có điều kiện gây dựng lại công việc chăn nuôi trồng trọt.

*Nguyên nhân đạt được mặt thứ hai:* Chủ tịch huyện tỉnh, nơi có người dân Khmer sinh sống luôn biết cách quan tâm và động viên tinh thần cho các em học sinh Khmer tham gia học tập. Bằng cách hộ trợ học phí, miễn giảm học phí và tặng sách vở. Bên cạnh đó đầu tư vào xây dựng trường học khang trang đủ đầy các tiện tích để phát huy tinh thần cho các em học sinh Khmer.

Nhà nước luôn đề cao tập trung các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống trường lớp, đáp ứng yêu cầu tăng quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc, ưu tiên các mục tiêu hoàn thành chương trình kiên cố hóa trường học, trường mầm non. Chú trọng phát triển đội ngũ giáo viên người dân tộc thiểu số với chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục - đào tạo. Ngoài ra, coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức tôn trọng pháp luật và trách nhiệm công dân của học sinh, sinh viên. Nhờ đó, chất lượng giáo dục không ngừng nâng lên.

*Nguyên nhân đạt được mặt thứ ba:* Nhà nước và chính quyền xây dựng thêm nhiều trạm xá và bệnh viện ở những nơi nông thôn vùng sâu, vùng xa để có người dân Khmer có thể đến khám và chữa bệnh kịp thời. Phát động các phong trào tiêm ngừa vacxin miễn phí chống bệnh thủy đậu và một số loại vacxin khác cho những người dân ở nơi khó khăn, nghèo khó. Trợ phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho người dân để hỗ trợ phần nào kinh phí chữa trị bệnh tật.

Nhà nước luôn có chính sách giữ gìn và bảo tồn các công trình kiến trúc lâu đời của người Khmer nhằm mục tiêu lưu truyền nét truyền thống văn hóa bản sắc của dân tộc Khmer.

*Nguyên nhân đạt được mặt thứ tư:*  Nhà nước đẩy mạnh phát huy vốn để xây dựng các trạm nước sạch cho người dân Khmer, để nhân dân có nguồn nước sinh hoạt sạch sẽ và đảm bảo an toàn tránh các bệnh do ô nhiễm nguồn nước. Bên cạnh đó Đảng và Nhà nước cũng thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển hệ thống tưới tiêu cho người dân để có được nguồn thực phẩm nông nghiệp tươi tốt đảm bảo chất lượng mà không phải sử dụng đến các loại hóa chất, thuốc trừ sâu gây ô nhiễm đất.

#### **2.4.2. Những mặt hạn chế.**

##### 2.4.2.1. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế.

Hệ thống đường đã được xây dựng giúp người dân có quãng đường đi nhanh hơn để đến các vùng trọng điểm của khu vực, nhưng sự xuống cấp của các hệ thống này là rào càn rất lớn đối với người dân. Hệ thống đường xây dựng lâu năm, không được bảo dưỡng hay sự đi lại của những phương tiện có trọng tải lớn dẫn đến một số khúc đường bị hư hỏng nặng. Hay sự chậm trễ trong việc xây dựng lại các đoạn đường cũ cũng làm cho đời sống nhân dân người Khmer bị ảnh hưởng.

Hệ thống cung cấp nước sạch tại các vùng này là khá cao, nhưng vẫn có một số bộ phận người dân sử dụng theo phương pháp truyền thống là lấy nước ở các con sông hay đào giếng để dùng, chưa đảm an toàn vệ sinh cho ngời dân. Hay quan trọng là việc ở giá tiền của nước sạch cũng khiến những hộ dân ở đây vẫn chưa có quyết định sử dụng nước sạch.

Trong những vùng sinh sống của người Khmer, tỷ lệ hộ nghèo vẫn khá cao nên việc người dân phải sử dụng điện chia hơi với giá thành cao cũng khiến cho nhiều người dân chưa quyết định sử dụng.

##### 2.4.2.2. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển giáo dục.

Việc phổ biến giáo dục ở nơi đây đã diễn ra từ rất lâu, góp phần làm cho tỷ lệ người biết chữ được nâng cao. Nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế cần phải được khắc phục. Các điểm trường ở các vùng sâu đã xuống cấp lâu năm, chưa được sửa chữa hay xây dựng lại, cơ sở vật chất được dùng trong giảng dậy thiếu thốn cũng khiến cho hệ thống giáo dục nơi đây gặp nhiều vấn đề lớn. Việc vận động, khuyến khích người dân cho con em đi học cũng gặp nhiều khó khăn khi người dân vẫn giữ những quan điểm thường cho con trai vào chùa học kinh Phật từ 3-5 năm, khiến cho nhiều người bị chậm so với chương trình bình thường.

2.4.2.3. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển xã hội.

Về mạng lưới y tế cộng đồng, tuy việc đầu tư xây dựng các cơ sở y tế đã được chú trọng và có những thành tựu nhất định, nhưng qua điều tra cho thấy tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng hàng năm còn cao từ 21 đến 28 phần trăm. Số người mắc bệnh trong đồng bào khoảng 24,2%. [[33]](#footnote-33)Nguyên nhân chính là do vệ sinh môi trường, cơ sở hạ tầng cung cấp nước, điều kiện ăn ở mất vệ sinh. Bên cạnh đó vẫn tồn động nhiều cơ sở y tế xuống cấp và chưa được sửa chữa.

Về các công trình công cộng, theo phong tục tập quán truyền thống của người Khmer, hầu hết người chết được hoả táng tại chùa hoặc nơi nào đó gần với khu dân cư mà họ đã qua đời. Nhưng vấn đề đáng nói là số lò hoả táng ở các chùa hiện có, được xây dựng trước đây khá đơn giản hoặc là đã xuống cấp, không còn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về vệ sinh môi trường trong quá trình thiêu. Cũng còn nhiều chùa, nhiều địa phương nghèo chưa có lò hoả táng để phục vụ cho người quá cố ở từng khu dân cư tập trung, vì vậy vẫn còn tình trạng phải “thiêu lộ thiên”, tức là người chết được đem thiêu ngay giữa cánh đồng hoặc những vùng đất trống nào đó ở gần khu dân cư. Mỗi lần thiêu như thế, trông rất thương tâm cho người quá cố, còn khói bụi bay tứ tán, làm ô nhiễm môi trường một khu vực rất rộng trong mấy giờ đồng hồ liền. Bên cạnh đó, hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị vẫn còn ở quy mô nhỏ, thiếu hiệu quả và tính chuyên nghiệp chưa cao.[[34]](#footnote-34)

2.4.2.4. Cơ sở hạ tầng môi trường

Theo số liệu điều tra năm 2006 của Quân y viện 175-Bộ Quốc phòng tại vùng đồng bào Khmer ở 9 tỉnh ĐBSCL thì có 48,9% hộ dùng nước giếng khoan, 37,2% hộ dùng nước mưa, 19,8% hộ dùng nước giếng đào, 15% dùng nước sông suối, 10,3% hộ dùng nước ao hồ và chỉ có 10,8% số hộ được dùng nước máy. Các biện pháp xử lý nguồn nước sinh hoạt chủ yếu là đánh phèn 52,1% và để tự lắng là 47,1% mà không có các biện pháp tiệt trùng nước. Có 97,4% số hộ dùng lu, vại để chứa nước phục vụ sinh hoạt trong nhà, qua kết quả kiểm tra, trong đó có 48,2% số dụng cụ chứa nước sinh hoạt có bọ gậy, lăng quăng ở mật độ cao. Nguồn nước sinh hoạt đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ có 15,5%. Vì vậy, những người bị nhiễm, mắc bệnh, nguyên nhân do ảnh hưởng nguồn nước ao hồ, sông suối và giếng đào là rất cao, chiếm khoảng 39%.

Thực trạng về việc xử lý chất thải rắn vùng đồng bào dân tộc Khmer cũng là vấn đề khá bất cập. Theo số liệu của Chi cục bảo vệ môi trường khu vực Tây Nam bộ, chất thải rắn sinh hoạt của toàn khu vực là 606.267 tấn/năm. Còn ghi nhận của đoàn khảo sát Quân y viện 175, Bộ Quốc phòng thì có 36,8% số các hộ đồng bào dân tộc Khmer thường vứt chất thải rắn tự do và có 60,6% số hộ xử lý bằng cách đốt và chôn. Số hộ đồng bào có nguồn gây ô nhiễm công cộng quanh nhà là 18,9%, bãi rác công cộng gây ô nhiễm là 21,2% và hố xí công cộng gây mất vệ sinh là 12,9%.[[35]](#footnote-35)

Đối với chất thải lỏng, hầu hết các kênh rạch gần khu dân cư là nơi đón nhận các chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, chất thải từ giết mổ gia súc, từ các cơ sở y tế, các cơ sở sản xuất kinh doanh, từ các nhà máy khu công nghiệp chưa được xử lý, ước tính khoảng 102 triệu m3/năm, thải vào môi trường toàn khu vực. Mặt khác, do việc phát triển nhanh diện tích nuôi trồng thuỷ hải sản, nhất là diện tích nuôi tôm sú công nghiệp đã thúc đẩy loại hình sản xuất kinh doanh như: ươm tôm giống, sản xuất và kinh doanh thức ăn cho tôm cá, thuốc thú y thuỷ hải sản, do chưa được quản lý chặt chẽ và xử dụng đúng quy trình đã làm ô nhiễm nguồn nước các con sông và kênh rạch nghiêm trọng.

2.4.2.5. Nguyên nhân những mặt hạn chế

Về cơ sở hạ tầng phục vụ kinh tế, sự ảnh hưởng về nhận thức, tư tưởng của đồng bào dân tộc nơi đây vẫn còn lạc hậu dẫn đến việc áp dụng các phương thức sản xuất mới vẫn còn bị bỏ ngõ. Việc quan tâm đầu tư về hệ thống giao thông vẫn còn chưa được chú trọng khai thác triệt để.

Về cơ sở hạ tầng phục vụ giáo dục, chất lượng hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp cùng với việc đào tạo nghề chưa được quan tâm dẫn đến tình trạng trang thiết bị chưa được chú trọng đầu tư. Đồng thời, nguồn ngân sách còn hạn chế nên số lượng trường học còn phân bố rải rác.

Về cơ sở hạ tầng phục vụ xã hội: Ý thức của người dân chưa cao trong việc bảo vệ các công trình công cộng. Số dân còn ít dẫn tới việc không khai thác tối đa công năng của các hạ tầng công cộng. Không đủ kinh phí để bảo trì và xây dựng mới các công trình phục vụ cho xã hội.

Về cơ sở hạ tầng phục vụ môi trường: Phần lớn nguyên nhân đến từ ý thức con người về việc xử lí các chất thải. Bên cạnh đó việc không quan tâm đầu tư, bảo trì và nâng cấp các công trình cấp thoát nước nơi đây còn hời hợt.

**2.5. Giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống đồng bào KHƠ ME ở nước ta thời gian tới.**

**2.5.1. Giải pháp tiếp tục phát huy những mặt đạt được:**

Hiện nay được sự quan tâm của Nhà Nước cùng các cơ quan đoàn thể thì cuộc sống của đồng bào khơ me cũng có nhiều thay đổi rõ nét cuộc sống của người dân được cải thiện và đi lên. Để đạt được những điều đó thì xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống của đồng bào khơ me là ưu tiên hàng đầu của các cấp lãnh đạo.

Tốc độ xây dựng các con đường liên thông với trung tâm xã, huyện được đẩy mạnh để làm tốt được việc này thì các cấp lãnh đạo cũng đã đưa ra những chính sách nhằm thúc đẩy:

Một là cho địa phương xi măng cát sỏi… huy động nhân công địa phương bỏ công sức ra làm

Hai là vận động người dân nhường đất làm đường

Hệ thống y tế, điện lưới quốc gia, trường học cũng được chú trọng phát triển để nhằm phục vụ nhu cầu của đồng bào khơ me bằng chứng cho thấy đó là : những trạm y tế với những thiết bị y tế hiện đại được mọc lên , những ngôi trường thì được đầu tư ,nâng cấp khang trang hơn , điện thì đã về đến từng ngõ ngách để phát huy những mặt tốt trên thì sự đồng lòng, chung sức của lãnh đạo cũng như toàn thể đồng bào khơ me đây là yếu tố then chốt để bảo vệ và tiếp tục phát triển những thành tựu trên

**2.5.2 Giải pháp khắc phục những mặt hạn chế**

2.5.2.1. Đường nông thôn:

Một là duy trì, củng cố và nâng cấp hệ thông đường giao thông hiện có theo tiêu chuẩn kĩ thuật hiện nay.

Hai là tập trung xây dựng các đường đến trung tâm xã và cụm xã mà hiện tại không có đường, đường đến các nông lâm trường và các khu công nghiệp nông thôn.

Ba là tiếp tục xây dựng các hệ thống đường liên bản, liên xã để hình thành một mạng lưới giao thông nông thôn đồng bộ tới các thôn bản và các xã.

Bốn là nối liền các mạng lưới giao thông nông thôn với mạng lưới giao thông quốc gia và xây dựng hệ thống đường dẫn và cầu vượt tại các điểm giao cắt giữa các đường cao tốc, quốc lộ và các đường ở địa phương.

Năm là Phát triển các phương tiện giao thông cơ giới quy mô nhỏ như: máy kéo... phù hợp với các điều kiện cơ sở hạ tầng nông thôn.

Chú Lâm Ol người có uy tín ấp Trà Canh B, xã Thuận Hòa (Châu Thành) chia sẻ: “Trước đây đời sống người dân chúng tôi gặp khó khăn thì Đảng và Nhà nước đã quan tâm tạo mọi điều kiện cho mình phát triển, nay Nhà nước có chủ trương xây dựng NTM mà người thụ hưởng lại chính là người dân thì không có lý do gì mình lại không đồng tình ủng hộ. Mới đây, tôi và bà con Khmer trong ấp đã đứng ra vận động được 700 triệu đồng xây 4 cầu nông thôn và xây dựng đường đal dài 2.370m, góp phần cùng địa phương hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn và thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển”.[[36]](#footnote-36)

2.5.2.2. Hệ thống nước

Hiện nay hệ thống cung cấp nước sạch còn ít và hạn chế nên ưu tiên phát triển hệ thống ống dẫn để nước sạch có thể về đến từng xã từng thôn bản và đến tất cả các đông bào. Khi tất cả người dân được dùng nước sạch đồng nghĩa với việc sức khỏe của đồng bào khơ me được đảm bảo tốt hơn qua đó có giảm gánh nặng cho ngành y tế, những ngân sách cho ngành y tế để điều tri các bệnh do nguồn nước không sạch gây ra có thể giảm bớt và những khoản đó có thể đầu tư vào những lĩnh vực khác để phát triển cuộc sống của người dân

Riêng năm 2016, nhà nước đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho người dân sử dụng. Có hệ thống nước sạch không chỉ giúp người dân sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh, đảm bảo tốt cho sức khỏe mà còn giải quyết được tình trạng thiếu nước sinh hoạt mỗi khi mùa khô đến. Bà Phạm Ngọc Thủy, ở ấp 6, xã Khánh Lâm chia sẻ: “Có được nguồn nước sạch sinh hoạt nên an tâm lắm, nấu nướng cái gì mình thấy cũng ngon hơn trước. Hồi trước, toàn xài nước đìa lóng lại không nên thấy lo lắm, mà lo nhất là vào tháng hạn nước đìa cũng không còn nên cực dữ lắm”.[[37]](#footnote-37)

2.5.2.3. Điện lưới:

Một là Xây dựng, và phát triển them các mạng lưới điện nhiều hơn để đảm bảo đủ nhu cầu sinh hoạt của đồng bào dân tộc Khơ me

Hai là Bảo trì bảo dưỡng nhưng hạ tầng điện lưới đã quá cũ và xuống cấp

Ba là Do cuộc sống của đồng bào khơ me còn nhiều khó khăn nên nhà nước cần có những chính sách về tiền điện để hỗ trợ cho đồng bảo nhằm đảm bảo cho tất cả mọi người được sử dụng điện.

Năm năm qua, toàn tỉnh Sóc Trăng đã hoàn thành xây dựng 191 km đường dây điện 110KV, 1.800km đường dây trung thế và 2.422 km đường dây hạ thế với tổng kinh phí 1.600 tỷ đồng; điện hóa cho 85.000 hộ dân, nâng tổng số hộ có điện sử dụng lên 366.420 hộ, đạt tỷ lệ hộ có điện trên 98%, bảo đảm cung cấp điện sinh hoạt, sản xuất [[38]](#footnote-38)

2.5.2.4. Trường học:

Học là con đường ngắn nhất để thoát khỏi nghèo đói vì vậy đầu tư và phát triển trường học là một trong những vấn đề cấp thiết và quan trong nhất:[[39]](#footnote-39)

Một là Địa phương cần có chính sách thu hút, vận đông để có đội ngũ trình độ cao tăng hiệu quả giảng dạy

Hai là Đầu tư mở rộng trường học để tránh tình trạng một giáo viên phải dạy quá nhiều học sinh trong một lớp học điều đó sẽ tăng năng suất giảng dạy và hiệu quả học tập

Ba là Đầu tư cơ sở vật chất học tập đảm bảo kế hoạch giảng dạy được tốt nhất và đảm bảo cho người học được tiếp cận tốt, nhanh và hiệu quả bài học

2.5.2.5. Y tế:

Môt là Mở các trạm y tế ở các xã cho người dân thuận tiện trong việc thăm khám

Hai là Liên kết tất cả các trạm xá các bệnh viện ở tuyến trên nhằm đảm bảo tốt nhất cho người dân

Ba là Thường xuyên mở các đợt thăm khám miễn phí cho người lớn tuổi phụ nữ đang mang thai và trẻ em đây là những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất

Bốn là Đầu tư trang thiết bị y tế hiện đại hơn

Năm là Bên cạnh đầu tư cơ sở cũng như trang thiết bị y tế thì địa phương cũng cần có những chính sách phát triển cũng như thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong nghành y tế

Các trạm y tế xã Ðông Bình, Ðông Thành, Loan Mỹ, Trà Côn, Tân Mỹ, Trung Thành..., nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống, đều đạt chuẩn quốc gia, trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ việc khám, điều trị bệnh, trong đó có 9/12 xã có bác sĩ và 12/12 xã có y sĩ phục vụ. Ở đó, ngoài việc khám bệnh tại trạm, các cán bộ y tế xã thường xuyên xuống các hộ gia đình tuyên truyền, vận động tiêm phòng bệnh và vệ sinh môi trường, không để dịch bệnh xảy ra.[[40]](#footnote-40)

2.5.2.6. Thông tin liên lạc

Một là Phủ sóng toàn bộ những vùng sâu vùng xa

Hai là Xúc tiến phát triển bưu điện và bưu chính viễn thông nhằm giúp đồng bào dân tộc khơ me có điều kiện sử dụng dịch vụ dễ dàng hơn

Đầu tư và phát triển mạng lưới thông tin liên lạc tạo cho bà con nhiều hơn cho sự giao thương giữa các vùng qua đó phát triển kinh tế hơn cuộc sống của người dân ngày càng đi lên

**Tóm tắt chương 2**

Thông qua chương 2, chúng ta đã biết được những đặc điểm cũng như các nét đẹp của dân tộc Việt Nam. Bên cạnh đó, chương 2 còn khái quát về cơ sở hạ tầng, cơ sở hạ tầng thiết yếu của đồng bào dân tộc. Đồng thời còn cung cấp cho chúng ta toàn cảnh về điều kiện kinh tế, cơ sở hạ tầng của các đồng bào dân tộc cụ thể là đồng bào dân tộc Khơ – me. Tuy đời sống nhân dân, cơ sở hạ tầng và cơ sở hạ tầng thiết yếu của đồng bào dân tộc Khơ – me trong thời gian vừa qua đã có những sự cải thiện tuy nhiên vẫn còn tồn động nhiều mặt hạn chế.

Hiện nay thì cuộc sống của đồng bào khơ me đã phát triển hơn rất nhiều tỷ lệ hộ nghèo hộ cận nghèo đã giảm đi đáng kể. Đời sống, sức khỏe… ngày càng đi lên,tất cả những thành tựu trên đó là nhờ sự lãnh đạo tài tình của các cán bộ từ Trung Ương cho đến địa phương và chúng ta cũng không thể phủ nhận được sự chung sức của toàn bộ đồng bào Khơ - me. Tuy vậy khả năng tiếp cận đến các cơ sở hạ tầng thiết yếu của bà con nơi đây vẫn còn nhiều khó khăn như khoảng cách từ nhà đến trường còn xa, nhiều vùng vẫn còn chưa được sử dụng nước hợp vệ sinh… Nhưng chúng ta là một dân tộc có tinh thần đoàn kết cao cùng với những chính sách hợp lý của Đảng và Nhà nước, mọi vấn đề tồn động sẽ từng bước được giải quyết.

# III. KẾT LUẬN

Trong đề tài nghiên cứu lần này chúng ta đã tìm hiểu được các đặc điểm, đặc trưng cơ bản của dân tộc cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc. Từ đó có thể thấy được tầm quan trọng của dân tộc đối với sự phát triển của một quốc gia. Sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc gắn liền với sự phát triển của cả cộng đồng. Giao lưu văn hóa, tiếp thu những tinh hoa, tăng cường tính thống nhất trong cộng đồng dân tộc trở thành một quá trình hợp với qui luật. Tuy nhiên, cần phải có sự chọn lọc dựa trên cơ sở giữ gìn và phát huy tinh hoa bản sắc của từng dân tộc.

Nhận thức được tầm quan trọng của dân tộc trong sự nghiệp phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước đã có những chính sách, giải pháp phù hợp để cải thiện, phát triển đời sống các dân tộc, thu hẹp khoảng cách trình độ giữa các dân tộc tạo nên một khối đại đoàn kết vững mạnh. Tuy đã đạt được những mặt tích cực trong quá trình phát triển song vẫn còn nhiều hạn chế cần phải từng bước khắc phục. Nhưng với sự am hiểu sâu sắc, đúng đắn về vấn đề dân tộc trong thời kì quá độ lên xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta vẫn đang từng bước giải quyết những khó khăn đồng thời giữ gìn và phát huy những bản sắc truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Sẽ không có một dân tộc nào bị bỏ lại, tư tưởng này đã tiếp thêm niềm tin về mục tiêu*“dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.*

# IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập1;2)*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật. Truy cập từ https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii
3. Ebook Hỏi đáp về 54 dân tộc Việt Nam: Phần 1. Truy cập từ https://tailieuxanh.com/ vn/dlID1890601\_ebook-hoi-dap-ve-54-dan-toc-viet-nam-phan-1.html;
4. Ebook Hỏi đáp về 54 dân tộc Việt Nam: Phần 2. Truy cập từ https://tailieuxanh.com/ vn/dlID1890602\_ebook-hoi-dap-ve-54-dan-toc-viet-nam-phan-2.html
5. Lê Ngọc Thắng. *Ebook Một số vấn đề về dân tộc và phát triển*. Truy cập từ https://tailieuxanh.com/vn/tlID1387937\_ebook-mot-so-van-de-ve-dan-toc-va-phat-trien-pgsts-le-ngoc-thang.html
6. *Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới*. Truy cập từ <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/821701/chinh-sach-dan-toc-cua-viet-nam-qua-35-nam-doi-moi.aspx>

Tổng cục thống kê. (19/12/2019). *Thông cáo báo chí kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/su-kien/2019/12/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/>

Hìn ảnh truy cập từ: <https://nhandan.vn/dan-toc-mien-nui/giao-luu-truc-tuyen-voi-cac-dai-bieu-du-dai-hoi-toan-quoc-cac-dan-toc-thieu-so-viet-nam-626599/>

Hình ảnh truy cập từ: <https://nhandan.vn/dan-toc-mien-nui/giao-luu-truc-tuyen-voi-cac-dai-bieu-du-dai-hoi-toan-quoc-cac-dan-toc-thieu-so-viet-nam-626599/>

1. *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. Truy cập từ: <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2020/07/01-Bao-cao-53-dan-toc-thieu-so-2019_ban-in.pdf>
2. Truy cập từ: <https://bom.to/KDW4MO>
3. Tưng bừng không khí lễ hội Ka Tê của đồng bào Chăm ở Ninh Thuận, Truy cập từ: <https://bom.to/QNpAhL>
4. Hình ảnh truy cập từ: <https://dulichkhatvongviet.com/le-hoi-long-tong/>

Sóc Trăng: *Tập trung đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc Khmer,*Truy cập từ: <https://baolangson.vn/xa-hoi/46058-soc-trang-tap-trung-dau-tu-phat-trien-vung-dong-bao-dan-toc-khmer.html>

*Sóc Trăng: Quan tâm đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc Khmer*, Truy cập từ: <https://www.soctrang.gov.vn/ubnd-stg/4/469/54273/299864/Dan-toc--ton-giao/Soc-Trang--Quan-tam-dau-tu-phat-trien-vung-dong-bao-dan-toc-Khmer.aspx>

1. *Đầu tư trên 48,3 tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ đời sống đồng bào dân tộc Khmer*, Truy cập từ: <http://www.baovinhlong.com.vn/thoi-su/201409/dau-tu-tren-483-ty-dong-xay-dung-co-so-ha-tang-va-ho-tro-doi-song-dong-bao-dan-toc-khmer-525660/#.YWMdax9MTIU>

*Sóc Trăng: Tập trung đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc Khmer,*Truy cập từ: <https://baolangson.vn/xa-hoi/46058-soc-trang-tap-trung-dau-tu-phat-trien-vung-dong-bao-dan-toc-khmer.html>

1. *Trà Vinh: Đầu tư, phát triển giáo dục vùng đồng bào Khmer*,Truy cập từ: <https://baodantoc.vn/tra-vinh-dau-tu-phat-trien-giao-duc-vung-dong-bao-khmer-1572633500577.htm>
2. *Đầu tư trên 48,3 tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ đời sống đồng bào dân tộc Khmer*,Truy cập từ: <http://www.baovinhlong.com.vn/thoi-su/201409/dau-tu-tren-483-ty-dong-xay-dung-co-so-ha-tang-va-ho-tro-doi-song-dong-bao-dan-toc-khmer-525660/#.YWMmkh9MTIU>
3. Bài viết *Trà Vinh quan tâm đầu tư phát triển giáo dục vùng đồng bào Khơ – me.* Truy cập từ https://dantocmiennui.vn/tra-vinh-quan-tam-dau-tu-phat-trien-giao-duc-vung-dong-bao-khmer/236358.html
4. *An Giang phát triển thủy lợi vùng cao thích ứng biến đổi khí hậu.* Truy cập từ: https://nongnghiep.vn/an-giang-phat-trien-thuy-loi-vung-cao-thich-ung-bien-doi-khi-hau-d259621.html
5. *Sóc Trăng huy động nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.* Truy cập từ: https://dantocmiennui.vn/soc-trang-huy-dong-nguon-luc-phat-trien-ket-cau-ha-tang-co-so-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so/288782.html
6. *Cần Thơ đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông kết nối đáp ứng yêu cầu phát triển giai đoạn mới.* Truy cập từ: https://baocantho.com.vn/can-tho-dau-tu-ha-tang-giao-thong-ket-noi-dap-ung-yeu-cau-phat-trien-giai-doan-moi-a136195.html
7. *Khái niệm cơ sở hạ tầng.* Truy cập từ: https://luanvanaz.com/khai-niem-co-so-ha-tang.html
8. *Dân tộc Khơ Me – Văn hóa ứng xử với môi trường.* Truy cập từ: https://sites.google.com/site/nhom3dh14gtdantockhmer/home/van-hoa-ung-xu-voi-moi-truong/hoat-dhong-san-xuat

1. Báo cáo 53 dân tộc năm 2020 [↑](#footnote-ref-1)
2. Báo cáo số 121/BC-BDT của tỉnh Lào Cao về kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021 [↑](#footnote-ref-2)
3. Báo cáo số 15/BC-BDT của tỉnh Cà Mau về tổng kết công tác dân tộc năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 [↑](#footnote-ref-3)
4. 1 Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.196. [↑](#footnote-ref-4)
5. 2 Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.199. [↑](#footnote-ref-5)
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.201. [↑](#footnote-ref-6)
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.197-198. [↑](#footnote-ref-7)
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.198-199. [↑](#footnote-ref-8)
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.200. [↑](#footnote-ref-9)
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.203-204. [↑](#footnote-ref-10)
11. Tổng cục thống kê. (19/12/2019). *Thông cáo báo chí kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Truy cập từ: https://www.gso.gov.vn/su-kien/2019/12/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/ [↑](#footnote-ref-11)
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.206. [↑](#footnote-ref-12)
13. Truy cập từ: https://bom.to/KDW4MO [↑](#footnote-ref-13)
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học.* Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.207. [↑](#footnote-ref-14)
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.208. [↑](#footnote-ref-15)
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.208 và tr.209. [↑](#footnote-ref-16)
17. *Lễ hội dân gian của đồng bào dân tộc thiểu số*, truy cập từ: http://lehoi.cinet.vn/Pages/ArticleDetail.aspx?siteid=1&sitepageid=310&articleid=1254 [↑](#footnote-ref-17)
18. *Người Khmer (Việt Nam).* Truy cập từ: https://vi.wikipedia.org/wiki/Người\_Khmer\_(Việt\_Nam) [↑](#footnote-ref-18)
19. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia sự thật, tr.166. [↑](#footnote-ref-19)
20. *Khái niệm cơ sở hạ tầng.* Truy cập từ: https://luanvanaz.com/khai-niem-co-so-ha-tang.html [↑](#footnote-ref-20)
21. *Khái niệm cơ sở hạ tầng*. Truy cập từ: https://luanvanaz.com/khai-niem-co-so-ha-tang.html [↑](#footnote-ref-21)
22. *Sóc Trăng huy động nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số***.** Truy cập từ:https://dantocmiennui.vn/soc-trang-huy-dong-nguon-luc-phat-trien-ket-cau-ha-tang-co-so-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so/288782.html [↑](#footnote-ref-22)
23. *Khái niệm cơ sở hạ tầng*. Truy cập từ: https://luanvanaz.com/khai-niem-co-so-ha-tang.html [↑](#footnote-ref-23)
24. # *Trà Vinh quan tâm đầu tư, phát triển giáo dục vùng đồng bào Khmer*. Truy cập từ: https://dantocmiennui.vn/tra-vinh-quan-tam-dau-tu-phat-trien-giao-duc-vung-dong-bao-khmer/236358.html

    [↑](#footnote-ref-24)
25. *Khái niệm cơ sở hạ tầng*. Truy cập từ: https://luanvanaz.com/khai-niem-co-so-ha-tang.html [↑](#footnote-ref-25)
26. Sóc Trăng: *Tập trung đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc Khmer,*Truy cập từ: https://baolangson.vn/xa-hoi/46058-soc-trang-tap-trung-dau-tu-phat-trien-vung-dong-bao-dan-toc-khmer.html [↑](#footnote-ref-26)
27. *Sóc Trăng: Quan tâm đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc Khmer*, Truy cập từ: https://www.soctrang.gov.vn/ubnd-stg/4/469/54273/299864/Dan-toc--ton-giao/Soc-Trang--Quan-tam-dau-tu-phat-trien-vung-dong-bao-dan-toc-Khmer.aspx [↑](#footnote-ref-27)
28. *Đầu tư trên 48,3 tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ đời sống đồng bào dân tộc Khmer*, Truy cập từ: http://www.baovinhlong.com.vn/thoi-su/201409/dau-tu-tren-483-ty-dong-xay-dung-co-so-ha-tang-va-ho-tro-doi-song-dong-bao-dan-toc-khmer-525660/#.YWMdax9MTIU [↑](#footnote-ref-28)
29. *Sóc Trăng: Tập trung đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc Khmer,*Truy cập từ: https://baolangson.vn/xa-hoi/46058-soc-trang-tap-trung-dau-tu-phat-trien-vung-dong-bao-dan-toc-khmer.html [↑](#footnote-ref-29)
30. *Trà Vinh: Đầu tư, phát triển giáo dục vùng đồng bào Khmer*,Truy cập từ: https://baodantoc.vn/tra-vinh-dau-tu-phat-trien-giao-duc-vung-dong-bao-khmer-1572633500577.htm [↑](#footnote-ref-30)
31. *Đầu tư trên 48,3 tỷ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ đời sống đồng bào dân tộc Khmer*,Truy cập từ: http://www.baovinhlong.com.vn/thoi-su/201409/dau-tu-tren-483-ty-dong-xay-dung-co-so-ha-tang-va-ho-tro-doi-song-dong-bao-dan-toc-khmer-525660/#.YWMmkh9MTIU [↑](#footnote-ref-31)
32. *Linh hoạt lồng ghép nguồn vốn giúp đồng bào dân tộc Khmer phát triển sản xuất,*Truy cập từ: https://www.camau.gov.vn [↑](#footnote-ref-32)
33. *Môi trường vùng đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ thực trạng và thách thức.* Truy cập từ <http://web.cema.gov.vn/modules.php?name=Content&op=details&mid=9267> [↑](#footnote-ref-33)
34. *Môi trường vùng đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ thực trạng và thách thức.* Truy cập từ <http://web.cema.gov.vn/modules.php?name=Content&op=details&mid=9267> [↑](#footnote-ref-34)
35. *Môi trường vùng đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ thực trạng và thách thức.* Truy cập từ <http://web.cema.gov.vn/modules.php?name=Content&op=details&mid=9267> [↑](#footnote-ref-35)
36. *Đồng bào Khmer thuận hòa chung tay xây dựng nông thôn mới*. Truy cập từ https://soctrang.dcs.vn/Default.aspx?sname=tinhuy&sid=4&pageid=469&catid=54322&id=288815&catname=Nong-thon-moi&title=dong-bao-khmer-thuan-hoa-chung-tay-xay-dung-nong-thon-moi [↑](#footnote-ref-36)
37. *Khởi sắc vùng đồng bào dân tộc Khmer*. Truy cập từ https://bit.ly/3iYKdRt [↑](#footnote-ref-37)
38. *Sóc Trăng huy động nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số*.Truy cập từ https://dantocmiennui.vn/soc-trang-huy-dong-nguon-luc-phat-trien-ket-cau-ha-tang-co-so-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so/288782.html [↑](#footnote-ref-38)
39. *Đồng bào Khmer Trà Vinh chung tay xây dựng nông thôn mới.* Truy cập từ https://dangcongsan.vn/chung-suc-xay-dung-nong-thon-moi/tin-tuc-su-kien/dong-bao-khmer-tra-vinh-chung-tay-xay-dung-nong-thon-moi-307613.html [↑](#footnote-ref-39)
40. Truy cập từ ttp://web.cema.gov.vn/modules.php?name=News&op=Print&mid=1127 [↑](#footnote-ref-40)